

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HS-PT
Ngày: 20 - 9- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Xuân Việt và bà Từ Thị Hải Dương

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà lưu động tại Trường Đại học tỉnh Quảng Bình để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2018/HSPT ngày 23 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Lê Chí T; do có kháng cáo của bị cáo Lê Chí T và bị hại bà Mai Thị L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Chí T, Sinh ngày: 03/9/1979 tại xã Q, huyện R, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn D, xã Q, huyện R, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: thợ xây; Trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Viết X và bà Mai Thị C; vợ Lê Thị H (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam giữ ngày 27/12/2017, chuyển tạm giam ngày 30/12/2017 đến ngày 02/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “bảo lãnh), có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Bà Mai Thị L, sinh năm 1946 – địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện R, tỉnh Quảng Bìn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phát hiện bà Mai Thị L đeo một chiếc nhẫn vàng ở tay trái nên Lê Chí T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà L. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/12/2017, T đi bộ sang nhà bà L để đuổi gà, lúc này bà không có người nên T

đi qua nhà bếp đến cửa hông dẫn ra sau vườn rồi mở thanh chốt cửa, lấy 01 hòn đá chấn vào để cửa không bật ra nhằm mục đích buổi tối dễ dàng đột nhập vào nhà bà L. Đến khoảng 22 giờ 30 phút, T mang theo 01 con dao dài khoảng 30cm, dùng 01 áo phong ngăn tay quần quanh đầu, bịt mặt rồi sang nhà bà L đột nhập vào nhà bằng đường cửa hông mà T đã mở chốt cửa trước đó. Khi vào trong nhà thấy bà L chưa ngủ nên T đi về. Khoảng 30 phút sau, T tiếp tục cầm dao, bịt mặt đi sang nhà bà L theo đường cũ, phát hiện bà L vẫn chưa ngủ nên T quay về nhà nằm ngủ. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, T tiếp tục cầm dao, bịt mặt bằng áo phong, cầm đèn pin đột nhập vào nhà bà L. Khi đột nhập vào nhà, thấy bà L đang ngủ, T đi lại vén màn để tìm tài sản thì bà L tỉnh dậy. Bà L ngồi chồm người dậy thì T hoảng sợ nên trèo lên giường, tay phải cầm dao kề sát vào cổ bà L để không chế không cho bà L kêu la nhằm đe dọa, chiếm đoạt chiếc nhẫn vàng của bà L. Thấy vậy, bà L nói “đừng, đừng, tau già rồi, tay không có chi mô”, đồng thời bà lấy tay phải giữ lấy con dao, tay trái giơ lên vẫn giật được áo phong T đang bịt mặt. Mặc dù bị T giữ lại nhưng bà L vẫn giật được áo phong T dùng bịt mặt. Sau khi bị giật áo phong, T sợ bị phát hiện nên đã cầm dao và ôm theo 01 chăn lông của bà L chạy ra theo lối cửa lúc đi vào, rồi vút chấn lại sau vườn nhà. Bà L chạy ra trước nhà hô hoán hàng xóm còn T nhảy qua hàng rào chạy về nhà, vút dao xuống sông RN. Sau đó T đi sang nhà bà L quan sát tình hình nhằm đánh lạc hướng và tránh sự nghi ngờ của mọi người rồi quay về nhà ngủ.

Tại kết luận Điều tra số 13/KLĐT-VAHS ngày 19/3/2018 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch và Cáo trạng số 09/CT-VKSQT ngày 04/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã khởi tố, truy tố bị cáo Lê Chí T về tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 BLHS 2015.

Tại bản án số 17/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào: Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 Điều 133; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 BLHS 1999; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; khoản 2 Điều 136 BLTTDS năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên bố: Bị cáo Lê Chí T phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Chí T 07 (bảy) năm tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2017 đến ngày 02/3/2018. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng vụ án, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và bị hại.

Ngày 23/7/2018, bị cáo Lê Chí T có đơn kháng cáo với nội dung: Việc bị cáo bị truy tố và xét xử về tội : “Cướp tài sản” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên bị cáo thấy mức hình phạt 07 năm tù giam về tội “Cướp tài sản” mà Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch đã áp dụng đối với bị cáo là quá nặng. Bị cáo do suy nghĩ không sáng suốt, nhất thời phạm tội dẫn đến sai phạm

như vậy. Sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo có bố là người có công với cách mạng, bên cạnh đó bị hại bà Mai Thị L đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sự sai phạm của bị cáo đáng được trừng trị nhưng hiện tại hoàn cảnh hết sức khó khăn, vợ đã ly hôn và hiện nay bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, phải nuôi hai con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở lại hoà nhập với cộng đồng xã hội, làm ăn chăm sóc các con ăn học trưởng thành.

Ngày 25/7/2018, bị hại bà Mai Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho Lê Chí T với nội dung cho rằng Lê Chí T có nhân phẩm tốt, lần đầu tiên phạm tội, đã thừa nhận và xin lỗi về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường đầy đủ phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại và hiện tại gia đình T có hoàn cảnh khó khăn, có bố là bệnh binh, mức hình phạt 7 năm tù mà Toà án sơ thẩm đã xét xử đối với T là có phần nặng, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho T.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Lê Chí T và bị hại Mai Thị L, áp dụng thêm tình tiết gây hại không lớn để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, xử Thanh từ 3- 4 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Chí T đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát và án sơ thẩm đã nhận xét. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định, bị cáo Lê Chí T bị Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử về tội “Cướp tài sản” là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Bị cáo phạm tội vào lúc Vào 00 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, thời điểm này BLHS năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án ngày 17/7/2018 BLHS năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật (có hiệu lực từ 00 giờ ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, căn cứ điểm a, e khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì hành vi phạm tội của Lê Chí T phải được xử phạt theo BLHS năm 1999 như án sơ thẩm đã áp dụng là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Chí T, Hội đồng phúc thẩm xét xử thấy rằng:

Vào 00 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, Lê Chí T đã có hành vi đột nhập vào nhà bà L ở tại thôn D, xã Q, huyện R, tỉnh Quảng Bình để trộm tài sản, do bị bà L phát hiện nên dùng dao khống chế, uy hiếp, đe dọa bà L nhằm chiếm đoạt chiếc nhẫn vàng của bà L. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã đe dọa xâm hại đến sức khỏe, tinh thần người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của Lê Chí T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 133

BLHS năm 1999 và do bị cáo đã sử dụng vũ khí nguy hiểm thuộc tình tiết định khung theo điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999. Kháng cáo bị cáo cũng cho rằng bị truy tố xét xử về tội “Cướp tài sản” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, nhưng với mức hình phạt 07 năm tù về tội mà Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã áp dụng đối với bị cáo là quá nặng. Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo có bố là người có công với cách mạng. Hành vi của bị cáo đáng được trừng trị nhưng hiện tại hoàn cảnh hết sức khó khăn, vợ đã ly hôn và hiện nay bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, phải một mình nuôi con nhỏ, những người xung quanh xác nhận bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chỉ nhất thời phạm tội, mục đích ban đầu của bị cáo là không phải cướp tài sản nhưng do bà L phát hiện nên bị cáo hoảng loạn dí dao vào người bà L, cũng vì như vậy nên việc chiếm đoạt tài sản bị cáo cũng không thực hiện quyết liệt và cũng chưa chiếm đoạt được, bố bị cáo còn là bệnh binh. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà L cũng có kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa, bà L khai hành động lúc cầm dao của bị cáo không hề quyết liệt, bị cáo cũng không nói gì về việc yêu cầu đưa nhẫn vàng như án sơ thẩm, Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ phạm tội gây hại không lớn quy định tại tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 46 và Điều 47 BLHS năm 1999, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người bị hại để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt, sớm trở lại với cộng đồng xã hội, nuôi dạy các con trưởng thành.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Lê Chí T được cấp phúc thẩm chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Chí T và kháng cáo của bà Mai Thị L, sửa hình phạt của bản án sơ thẩm: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; các điểm b, p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48, Điều 47 BLHS 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; xử phạt: Lê Chí T 4 năm 6 tháng tù về tội: “Cướp tài sản”, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2017 đến ngày 02/3/2018. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Lê Chí T được cấp phúc thẩm chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THA huyện Quảng Trạch;
- Phòng HSNVCS-CA Quảng Bình;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyển